Đơn vị:…..
Company:…..
Số: **01/2010/HĐLĐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20…

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

LABOUR CONTRACT

Chúng tôi một bên là Ông/bà: …..... Quốc tịch: …..
We are on one side Mr/Ms: **…..** *Nationality: …..*
Chức vụ: …..... *Position: …..*
Đại diện cho …..... ĐT: …..... Fax: …..
On behalf of ….. *Tel: …..... Fax: …..*

Và một bên là Ông/bà: **…..**
And on the other site Mr/Mrs: **…..**
Sinh ngày: (Date of birth) …/…/…
Nghề nghiệp: …..... *Occupation: …..*
Địa chỉ thường trú: (Permanent address) …..
Cấp ngày: …/…/…
ID Card No: *Issued …..* *At ……*
Số sổ lao động (nếu có): …..... Cấp ngày: (issued date) …/…/…
Labour Book No. (if any):

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động này và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:
Agree to sign this labour contract and commit to implement the following provisions:

Điều 1: **Thời hạn và công việc hợp đồng:**
Article 1*: *Term and contract works items:

_ Loại hợp đồng lao động: không thời hạn *unlimit*
Categories of labour contract:
Từ ngày (From date) …/…/…

- Địa điểm làm việc (Work place): …..
- Chức danh chuyên môn: …..
Working Position: …..
_ Công việc phải làm: theo phân công công việc đính kèm
Work content to be performed: As job description in the attached list)

Điều 2: **Chế độ làm việc**
Article 2*: *Work regime

- Thời gian làm việc: 48h/tuần Time of work: 48h/week

- Đợc cấp phát những dụng cụ theo nhu cầu của công việc căn cứ bàn giao giữa ngời lao động và phụ trách

Working tools shall be provided based on request of the job and handovered by the Chief of division

<u>Điều 3</u>: Nghĩa vụ và quyền lợi của ngời lao động:

<u>Article 3</u>: Obligations, Rights and Benefits of the employee

3.1 <u>Quyền lợi</u>: Right and benefits

- Phương tiện đi lại làm việc: do người lao động tự túc

Means of transport of working: self – providing by the Employee

- Mức lương chính, lương điều chỉnh và các khoản phụ cấp (Theo phụ lục I đính kèm Hợp đồng này)

Basic salary, salary adjustment, benefits and subsidies: (described in Addendum No1)

- Hình thức trả lương: trả bằng tiền mặt *Salary payment*: by cash

Đợc trả lơng 01 lần vào ngày 05 tháng sau *Once per month at the 5th of the next month*

- Tiền thưởng: Theo luật lao động Việt Nam và theo quy chế của công ty

Bonuses: According to Viet Nam Labour of Law and Company's Regulations

- Chế độ nâng lương: Theo luật lao động Việt Nam và theo quy chế của Công ty

Regime for raising salary: According to Viet Nam Labour of Law and Company's Regulations

- Đợc trang bị bảo hộ lao động gồm: Theo nhu cầu công việc và quy chế của công ty

Provided with labor safety protection equipment including: According to work demand and company's Regulations.

- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương: nghỉ phép, lễ, việc riêng

Annual full paid holidays (annual leave, public holidays, private leave)

+ Đợc nghỉ phép 12 ngày / 1 năm làm việc, theo qui định của Luật lao động Việt Nam

Annual leave: 12 days/ working year, based on labor code of Vietnam

+ Được nghỉ các ngày lễ theo quy định của Luật Lao động Việt Nam

Public holidays: as regulated in the Labor Law of Vietnam

+ Được nghỉ hiếu, hỉ : 03 ngày

Funeral/Wedding leave : 03 days

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: hàng tháng người sử dụng lao động trích ...% tiền lương của ngời lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng ...% tiền lương tháng (Lương đóng BHXH) của người lao động để đóng ...% cho cơ quan BHXH và ...% cho

Social insurance and health insurance: Each month the Employer withholds ...% of employee's salary and with the payment of ...% monthly salary of employee paid by the company.From these total amount, ...% shall be paid to Social insurance company and ...% shall

- Đợc hưởng các phúc lợi gồm: Phụ cấp ăn ca Theo qui định của Công ty

Other benefits and welfare: *Meal allowance* *Based on company's regulation*

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty

Regime for vocational training: Based on company's Regulation

- Được hưởng các chế độ ngừng việc, trợ cấp thôi việc hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành

Getting the allowance or compensation of work stoppage and work termination according to current Laws and regulations.

3. 2. Nghĩa vụ: Obligations

- Trong công việc, chịu sự điều hành trực tiếp của Trởng bộ phận. Hoàn thành những công việc đã được phân công, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động và nội quy của Công ty.

To work under direct supervision of manager department to fulfill the job committed in this labour contract, comply with labour discipline, with regulations on labour safety and hygiene and with the other internal regulations of the Company

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dung lao động

Article 4*: Obligation and Rights of the Employer*

4.1. Nghĩa vụ: Obligations

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều cam kết trong hợp động lao động.

To ensure the employment and fully implement the items committed in this labour contract.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

To fully & on time pay remuneration and other benefits to the Employee in accordance with the labour contract, collective labour agreement (if any).

4.2. Quyền hạn: Rights:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng(bố trí, điều chuyển, tạm ngừng công việc.....).

To manage the employee to fulfill the works in accordance with labour contract(work asignment, transfer, temporary stoppage etc.).

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

To postpone, terminate the labour contract and to penalize employee in accordance with the law regulation, the collective labour agreement (if any) and internal labour regulations of the Company.

Điều 5: Điều khoản thi hành

Article 5*: Implementation provisions*:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của Luật lao động hiện hành.

For the problems concerning with labour which are not defined in this labour contract, provisions of collective labour agreement shall be applied for solution. In case of not having collective labour agreement, provisions of the existing Labour Law shall

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 1 bản và có hiệu lực từ ngày ... tháng... năm 20... Khi 2 bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị nh nội dung cũ

This Labour contract is made in 2 originals of equal validity, each Party keeps one original and comes into effective from ..... When both parties sign appendix of the labour contract, the content of the appendix shall be valued as the contents of

- Hợp đồng làm tại …..... ngày ... tháng ... năm 20....

This labour contract is made at …..... on …..

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
Employee	***Employer***